PHỤ NỮ VIỆT NAM VỚI VIỆC XÂY DỰNG, PHÁT HUY, PHÁT TRIỂN VÀ GIỮ GÌN BẢN SẮC VĂN HOÁ DÂN TỘC QUA MỘT SỐ TƯ LIỆU CỔ

Đào Tố Uyên
Khoa Lịch sử
Trường ĐHSP - ĐHQG Hà Nội

Dân tộc Việt Nam vốn có lịch sử và nền văn hoá lâu đời. Con người Việt Nam đã sớm xây dựng cho mình một bản sắc văn hoá riêng. Chính bản sắc văn hoá đó đã tạo cho dân tộc một chỗ đứng vững vàng và là nhân tố làm nên sức mạnh, động lực của sự phát triển kinh tế và xã hội. Là một lực lượng lao động quan trọng, từ xa xưa phụ nữ Việt Nam đã là những người có công lớn trong việc xây dựng, phát triển và gìn giữ bản sắc văn hoá dân tộc. Họ đã được cả dân tộc ngợi ca và sử sách xưa ghi lại. Trong phạm vi của báo cáo này, ở góc độ văn hoá chúng tôi muốn khắc hoạ lại vai trò và công lao to lớn của phụ nữ Việt Nam thông qua một số tư liệu cổ trên một số khía cạnh chủ yếu sau đây:

1. Phụ nữ Việt Nam có lòng yêu nước nồng nàn và ý chí tự cường dân tộc.

Lịch sử Việt Nam là lịch sử của quá trình dựng nước đi đôi với quá trình giữ nước. Chính điều này đã tạo cho con người Việt Nam nói chung và phụ nữ Việt Nam nói riêng một lòng yêu nước nồng nàn và ý chí tự cường dân tộc. Chúng ta đã từng biết đến những phụ nữ có tên tuổi như Hai Bà Trưng, Bà Triệu - những nữ tướng cầm quân đi đánh giặc. Họ đã chiến đấu đến hơi thở cuối cùng, quyết không chịu để sa vào tay giặc để giữ trọn khí tiết với non sông, với đất nước. Nhà sử học Lê Văn Hưu - tác giả bộ sử thành văn đầu tiên ở nước ta vào thế kỷ XIII đã nói về Hai Bà: "Trưng Trắc, Trưng Nhị là đàn bà, hô một tiếng mà các quận Cửu Nhân, Nhật Nam, Hợp Phố, cùng 65 thành ở lĩnh ngoại đều hưởng ứng, việc dựng nước, xưng vương dễ như trở bàn tay, có thể thấy hình thể đất Việt ta đủ dựng nghiệp bá vương. Tiếc rằng nối sau họ Triệu cho đến trước họ Ngô, trong khoảng hơn ngàn năm, bọn đàn ông chỉ cúi đầu bó tay, làm tôi tớ cho người phương Bắc, há chẳng xấu hổ với hai chị em họ Trưng là đàn bà hay sao? "(1). Hai thế kỷ sau, nhà sử học Ngô Sĩ Liên cũng ca ngợi: "Họ Trưng giận thái thú nhà Hán bạo ngược, vung tay hô một tiếng mà quốc thống nước ta cơ đồ được khôi phục, khí khái anh hùng há chỉ lúc sống dựng nước xưng vương, mà sau khi chết còn có thể chống ngăn tại hoạ. Phàm gặp những việc tai ương, hạn lụt, đến cầu đảo không việc gì là không linh ứng. Cả bà Trưng em cũng thế vì là đàn bà mà có đức hạnh kẻ sĩ, cái khí hùng dũng trong khoảng trời đất không vì thân chết mà kém đi. Bọn đại trượng phu há chẳng nên nuôi lấy cái khí phách cương trực chính đại ấy ư?" (2). Bên cạnh Hai Bà Trưng chúng ta còn gặp muôn vàn những người phụ nữ bình thường khác vốn mang trong mình truyền thống yêu nước nồng nàn và tinh thần quật cường bất khuất. Những người phụ nữ đó đã được nhân dân các địa phương thờ phụng và được lưu danh trong các bản thần tích ở đình, đền, miếu của làng. Bản thần tích của tổng Phù lão huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ cho biết: "Bà Tô Ả Doanh xuất thân trong một gia đình nông dân nghèo khó, vừa hết tang

---

(1), (2) Ngô Sĩ Liên - Đại việt sử ký toàn thư - NXB KHXH Hà Nội 1993, tr 157, 158

cha mẹ thì gặp hoạn Tô Định bà đã tham gia quân khởi nghĩa của Trưng nữ vương và về sau được phong là Ả Mỵ Nguyệt Anh công chúa" [1]. Hơn 1000 năm dân tộc ta bị phong kiến Phương Bắc đô hộ, lòng yêu nước nồng nàn, tinh thần quật khởi của dân tộc hơn lúc nào hết lại được biểu hiện và phát huy cao độ. Nhân dân Việt Nam đã nhiều lần nổi dậy chống lại sự đô hộ và xâm lược của kẻ thù nhằm giành độc lập tự do cho dân tộc. Hình ảnh người phụ nữ Việt Nam kiên cường bất khuất mãi mãi còn đọng lại trong ký ức của nhân dân: "Bà Ả Dung Nương người đạo Sơn Tây đã cùng con trai tham gia khởi nghĩa chống quân Lương, khi thua bà đã không chịu hàng giặc và nhảy xuống sông tuẫn tiết về sau được nhân dân lập miếu thờ" [2]. Trong cuộc đấu tranh chung của dân tộc không chỉ có phụ nữ miền xuôi mà phụ nữ của các vùng dân tộc thiểu số cũng không chịu làm kiếp nô lệ, họ cũng sẵn sàng đứng lên chống giặc khi vận mệnh dân tộc bị đe doạ: "Thế kỷ thứ VI quân Lương sang xâm lược Việt Nam có bà Quách Ả Đê - Một phụ nữ ở đạo Tuyên Quang đã kết tóc vấn khăn cải trang thành đấng nam nhi hùng dũng chỉ huy tướng sĩ đánh giặc, bà đã hy sinh anh dũng. Nhân dân nhớ công ơn bà đã lập miếu để thờ, khi Triệu Quang Phục lên ngôi bà được tăng thêm là Từ Huệ Phổ Đạt đại vương"[3]. Bản thần tích của huyện Văn Lâm tỉnh Hưng Yên cũng ghi về sự tích của một nữ anh hùng: "Thời trần có Bà An Nương là con thứ hai trong năm chị em gái con ông Đào Nghĩa và bà Hoàng Thị Nhu ở Phủ Thiệu Thiên trấn Thanh Hoá. Bố mẹ mất sớm, năm chị em sống cảnh côi cút, dắt díu nhau lang thang kiếm sống. Bấy giờ có giặc ở ngoài biên giới phía Tây vào xâm lấn bờ cõi, nhà vua sai đình thần cầm quân đi đánh nhưng không thắng nổi. Nhà vua lo lắng, sai tìm anh tài trong thiên hạ. Năm chị em tự nguyện lập các đồn, chia các ngả, chiến đấu, quyết dẹp tan lũ giặc. Riêng An Nương mặc quần áo đàn ông, cải trang làm nam giới tay cầm đao, tay phất cờ, cùng chị em đánh giáp lá cà với quân giặc. Mới một trận, giặc đã kinh hãi tan vỡ, bị chết vô số. Nhà vua cả mừng, cho mở tiệc khao thưởng, phong tước sai dân trong vùng đến hầu tiệc. Sau này khi An Nương qua đời, nhà vua thương xót, sai đình thần làm lễ điếu táng linh đình cho dân trong vùng xây dựng lăng miếu, ban 100 quan tiền để đèn nhang thờ cúng. Nhà vua còn bao phong mỹ tự là tối linh thần" [4].

Có thể nói lòng yêu nước, ý chí tự cường dân tộc đã xây dựng nên nhân cách con người Việt Nam mà phụ nữ Việt Nam là những biểu hiện sinh động và cụ thể. Đồng thời chính nó đã đúc kết nên truyền thống kiên cường bất khuất của dân tộc qua mấy ngàn năm lịch sử.

2. Lòng nhân ái, bao dung, trọng nghĩa tình đạo lý - một bản sắc văn hoá dân tộc đã được phụ nữ Việt Nam xây dựng và phát huy từ ngàn năm về trước.

Từ khi dựng nước nhân dân ta đã phải đương đầu với giặc ngoại xâm để gìn độc lập đồng thời phải chống chọi với thiên nhiên khắc nghiệt để đảm bảo cuộc sống của mình. Vì vậy lòng yêu nước ở đây không phải là một cái gì đơn lẻ mà nó được gắn kết giữa nước với làng, giữa cá nhân với cộng đồng, giữa con người với xã hội để tạo cho con người Việt Nam một lòng nhân ái,

---

(1) PTS. Đỗ Thị Hảo chủ biên - Những gương mặt phụ nữ Việt Nam qua tư liệu Hán Nôm - NXB KHXH Hà Nội, 1996, tr 21.

(2) Những gương mặt phụ nữ Việt Nam - Qua tư liệu Hán Nôm - NXB KHXH Hà Nội, 1996, tr 23

(3) Những gương mặt phụ nữ Việt Nam - Qua tư liệu Hán Nôm - NXB KHXH Hà Nội, 1996, tr 24

(4) Những gương mặt phụ nữ Việt Nam - Qua tư liệu Hán Nôm - NXB KHXH Hà Nội, 1996, tr 35-36

độ lượng, bao dung, dám hy sinh vì người khác. Về mặt này, phụ nữ Việt Nam chẳng những có công lớn trong việc tạo dựng nên mà còn là người xây đắp, phát huy và gìn giữ nó. Sử sách phong kiến xưa như Đại Việt thông sử của Lê Quý Đôn, Đại Việt sử ký toàn thư của Ngô Sĩ Liên, Đại nam nhất thống chí, Đại nam liệt truyện của Quốc sử quán triều Nguyễn v.v... mặc dù chịu ảnh hưởng sâu sắc của tư tưởng nho giáo vẫn phải ghi lại những con người thực và những việc thực, về những gương liệt nữ. Họ là những người phụ nữ bình thường nhưng đã trọn đời thủ tiết với chồng, giữ trọn đạo của người con dâu, phụng dưỡng cha mẹ chồng. Chúng ta có thể kể ra đây nhiều tấm gương phụ nữ tiêu biểu đó: "Nguyễn Thị Quang, người huyện Tiên Lữ, lúc 17 tuổi lấy chồng là Nguyễn Châu, người cùng xã, mới được một năm chồng phải đi lính thú ở Thái Nguyên mắc bệnh chết. Thị thân đến nơi chồng chết đem hài cốt về chôn, khi hết tang chồng, cha mẹ chồng cho về nhà để cải giá, thị tự thề giữ tiết đến chết, hiếu dưỡng cha mẹ chồng. Năm Tự Đức thư nhất được biểu dương"[1].

Lòng nhân ái của người phụ nữ Việt Nam không chỉ biểu hiện trong phạm vi gia đình nhỏ hẹp mà còn biểu hiện sâu sắc ở nghĩa xóm, tình làng. Từ xưa dân gian ta đã có câu "lá lành đùm lá rách" hay "no đói có nhau". Đại nạm nhất thống chí - Bộ sách của quốc sử quán triều Nguyễn đã ghi lại: "Nguyễn Thị Thông, người huyện Duyên Hà, lấy chồng là Nguyễn Đình Nam, người cùng xã, 20 tuổi, không có con, ở goá, cha mẹ bảo cải giá thị lấy việc giữ tiết đến chết để phản đối. Từ đấy làm ăn siêng năng, tần tiện nên nhật dụng đầy đủ. Năm Minh Mệnh thứ 14, gặp mất mùa thị cúng 100 hộc thóc để chẩn cấp người nghèo, được ơn ban thưởng 4 tấm sa, năm Tự Đức thức hai được biểu dương"[2].

Tính đôn hậu, sự bao dung của người phụ nữ Việt Nam còn biểu hiện rõ rệt ở cách cư xử giữa người với người, ý thức đối với cộng đồng, biết hy sinh vì tập thể, biết trọng tình người.

Bi ký ở xã Cao Xá huyện Thanh Oai tỉnh Hà Tây cò nghi lại: "Bà Phan Thị Chúc người bản xã, vốn nhân hậu đức độ, hàng xóm trên dưới biết tiếng, ai cũng quý trọng bà. Thấy dân xã cần tiền, bà đã phát hằng sản, hằng tâm cúng 1000 quan để dân chi dùng vào việc công. Dân xã cảm ơn ân đức của bà đã dựng bia và coi bà là tấm gương hết lòng vì việc nghĩa để con cháu muôn đời noi theo"[3].

Bản "Hậu thần bi ký" ở Thái Bình cũng cho biết ở xã Phất Lộc, huyện Đông Quan tỉnh Thái Bình có bà Bùi Diệu Loan thấy quê nhà túng bấn, thiếu tiền trả nợ thuế cũ, bà đem giúp xã trang trải nợ nần, gần 100 quan tiền, hai sào 5 thước ruộng. Đáp lại tấm lòng nhân đức của bà, dân xã suy tôn bà là hậu thần"[4]. Ở phường Hà Khẩu (Hà Nội) cũng có bà Nguyễn Thị Cúc là người có tấm lòng từ thiện đã xin cúng 300 quan tiền vào việc công.

Ngoài ra còn có hàng ngàn, hàng vạn chị em phụ nữ khác dù ở địa vị cao thấp khác nhau nhưng ở đâu họ cũng mang cốt cách của người con gái Việt Nam đó là sẵn sàng hy sinh vì nghĩa lớn, biết đặt lợi ích của tập thể lên trên quyền lợi của cá nhân mình: "Một người con gái bình thường ở xã Xuân Vân Đông, huyện Phúc Thọ tỉnh Sơn Tây thấy dân xã nghèo túng nên thiếu tiền nộp sưu. Bà đã tự nguyện cho dân 400 quan tiền để bù vào chỗ sưu thuế bị thiếu. Cảm ơn ân

---

(1) Quốc sử quán triều Nguyễn - Đại nam nhất thống chí - NXB KHXH Hà Nội, 1971, T.3, tr 301

(2) Quốc sử quán triều Nguyễn - Đại nam nhất thống chí - NXB KHXH Hà Nội, 1971, T.3, tr 302

(3) Những gương mặt ... Sdd tr 62

(4) SĐD, tr 61

đức của bà, dân làng trên dưới một lòng tôn bà là hậu thần"[1]. Thần tích của xã Khả Lâm huyện An Lão tỉnh Kiến An đã ngợi công đức của Chiêu Chinh công chúa - con vua Trần Thái Tông: "Lấy chồng mới được hai năm, chồng chết, nàng ở vậy thủ tiết thờ chồng, sau đó nàng cho xây chùa, sớm tối thắp hương thờ phật, bố thí người nghèo, mở chợ, khuyến khích dân chăm việc nông tang, chẩn bần dưỡng lão, cứu khổ phò nguy, ai cũng vui vẻ"[2].

Có thể nói lòng nhân ái, bao dung, trọng nghĩa tình đạo lý mà bao trùm lên tất cả là tình thương yêu quý trọng con người và cuộc sống của con người ở người phụ nữ Việt Nam đã đúc kết thành tư tưởng triết lý tình thường sống động trong văn hoá dân gian, đã in sâu vào tâm khảm người Việt Nam qua hàng ngàn năm lịch sử:

"Bầu ơi thương lấy bí cùng

Tuy rằng khác giống nhưng chung một giàn".

Chính giá trị văn hoá này đã tạo ra sức mạnh của tinh thần đoàn kết, sức mạnh của chủ nghĩa nhân văn, sức mạnh của sáng tạo, sức mạnh của tinh thần kiên cường bất khuất, đấu tranh chống lại mọi cái xấu, cái ác để vươn tới chân, thiện, mỹ trong các quan hệ giữa cá nhân với cá nhân, cá nhân với cộng đồng, giữa con người với tự nhiên. Đây cũng là nền tảng của tinh thần cộng đồng, của lẽ sống, nếp sống, trong sáng cao cả từ xưa đến nay vẫn được đánh giá rất cao trong các giá trị văn hoá Việt Nam nói riêng và nhân loại nói chung.

3. Cần cù và sáng tạo trong lao động, có đầu óc thực tế, phụ nữ Việt Nam đã góp phần quan trọng trong việc làm giàu những giá trị văn hoá truyền thống của dân tộc.

Sinh ra và lớn lên ở một đất nước có thiên nhiên hào phóng nhưng lại cũng dữ dằn, con người Việt Nam nói chung và phụ nữ Việt Nam nói riêng đã sớm mang trong mình một tinh thần lao động cần cù và sáng tạo. Từ cuộc sống thực tế, từ lao động họ đã tạo ra những giá trị văn hoá vật chất và tinh thần phong phú mà cho đến nay những giá trị văn hoá đó vẫn được nhân dân ta bảo tồn và phát huy. Là người nội trợ, phụ nữ Việt Nam vừa thạo, vừa giỏi trong việc chế biến các món ăn từ những sản phẩm của quê hương mang đậm đặc điểm tính cách Việt Nam như: Các loại bánh làm từ gạo nếp, gạo tẻ, các món ăn dân giã, như tương, cà, dưa muối, từ hàng ngàn năm nay là do phụ nữ sáng tạo ra và gìn giữ. Theo truyền thuyết dân gian và một số bản thần tích ghi lại thì mẹ Âu Cơ là người sinh ra 100 đứa con mà sau này họ đã trở thành các vị tổ của các dòng họ trên đất Việt. Mẹ Âu Cơ cũng dạy cho dân trồng lúa, hướng dẫn cho dân trồng mía. Mẹ còn sáng chế ra một thứ bánh gọi là bánh uôi. Bánh uôi có từ thời mẹ Âu Cơ, bánh chưng có từ thời Lang Liêu, bánh ít có từ thời cô Út (con gái của vua Hùng) là những thứ bánh cổ truyền có lịch sử xa xôi nhất. Về sau các bà Đạm Nương, Hồng Nương, Thanh Nương đã nghĩ ra các loại bánh trôi, bánh dùng, bánh bột [3]. Cho đến nay trong các dịp lễ tết, ở nhiều nơi các loại bánh này vẫn là những món ăn được nhiều người ưa thích bởi đó là một thứ văn hoá ẩm thực đặc sắc của cư dân đồng bằng Bắc Bộ.

Phụ nữ Việt Nam cũng là những người duy trì và bảo tồn những giá trị văn hoá truyền thống như trong các nghề thủ công cổ truyền, trang phục, cách dệt vải, thêu hoa văn... Ở nhiều nơi nhân dân địa phương đã tôn vinh những phụ nữ đó là tổ sư của nghề và được chép trong các bản thần tích của làng. Ở các vùng dân tộc thiểu số, những bộ váy, áo, khăn do chính bàn tay

---

(1) SĐD, tr 61

(2) SĐD, tr 61

(3) Vũ Ngọc Khánh lược truyện thần tổ các ngành nghề. NXB KHXH 1991, tr 20, 21, 29, 30.

của những người phụ nữ dệt chẳng những đã tạo nên bản sắc văn hoá riêng của mỗi tộc người mà còn làm phong phú và đa dạng cho nền văn hoá quốc gia.

Với vai trò là người mẹ, người vợ, phụ nữ là người đầu tiên trong dưỡng dục, nuôi dạy con cái. Những lời hát ru, những làn điệu dân ca, sự dạy dỗ của người mẹ đã sớm đi vào tâm hồn đứa trẻ rồi được giữ gìn và truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác. Những con người Việt Nam ấy lớn lên đã hấp thụ và mang trong mình tính cách, đạo đức với bản sắc văn hoá riêng của dân tộc. Nhà bác học Lê Quý Đôn ở thế kỷ 18 đã ngợi ca người phụ nữ trong tác phẩm của mình: "Hoàng hậu (tức cụ bà Thương - mẹ vua Lê Thái Tổ) khéo giữ đạo làm vợ, thờ cha mẹ hết lòng hiếu kính, lấy ơn huệ đối xử với họ hàng, dùng lễ nghĩa dạy con cháu, dốc hầu bao, nghiêng bồ thóc mà chu cấp cho người nghèo, sót thương kẻ côi cút, mọi người đều ca tụng đức tốt của hoàng hậu[1]. Trong bộ "Đại Nam nhất thống chí" hình ảnh người phụ nữ cũng được chép lại với vai trò to lớn trong việc dạy con: "Bà Nguyễn Thị Sếu ở huyện Quảng Điền tỉnh Thừa Thiên. Năm 17 tuổi bà lấy chồng. Bà đã lo toan cung cấp cho chồng, khuyến khích ông học hành thi cử. Vì vậy ông đã đỗ hai khoa tú tài. Ông qua đời lúc bà 25 tuổi nhưng bà quyết tâm ở vậy thờ chồng nuôi con. Hai con từ bé đến lớn luôn được bà chăm nom dạy dỗ và khuyến khích học hành. Tuy yêu thương và chiều chuộng con những bà nổi tiếng là người mẹ nghiêm khắc. Vì vậy các con bà đều đỗ cử nhân và thay nhau làm quan ở Hoan Châu. Năm Tự Đức thứ 36 bà được vua biểu dương tặng phong là bậc tiết phụ và ban cho lụa tiền"[2].

Phụ nữ Việt Nam chẳng những đã góp phần tích cực vào việc bảo tồn và phát triển những yếu tố chủ yếu trong nền văn hoá vật chất của dân tộc mà còn là lực lượng quan trọng trong việc bảo vệ và phát triển nền văn hoá tinh thần.

Trong các điệu múa cổ truyền, các làn điệu dân gian, phụ nữ cũng có vai trò đặc biệt. Cuốn "Hý phường phả lục" của nhà bác học Lương Thế Vinh ở thế kỷ XV đã khẳng định tổ sư của nghệ thuật chèo ở Việt Nam là bà Phạm Thị Trân người Hải Dương sống và hoạt động chèo từ thời Đinh. Người phụ nữ đứng đầu nghề chèo này giỏi múa hát, thường dạy múa cho quân sỹ, được phong chức và được tôn là "Huyền nữ"[3].

Trong nền văn chương bác học của dân tộc, những người phụ nữ có tài năng đã mang cả tâm hồn và trí tuệ để góp phần phát triển văn hoá dân tộc. Nữ sĩ Đoàn Thị Điểm được sử sách xưa ghi lại: "Bà là người huyện Văn Giang xứ Kinh Bắc. Bà là người hay chữ giỏi thơ văn. Trường học của bà đã đào tạo được nhiều người đỗ đạt trong đó có tiến sĩ Đào Duy Doãn. Tác phẩm của bà có Truyền kỳ tân phả và bản dịch Chinh Phụ Ngâm của Đặng Trần Côn"[4]. Còn nữ thi sĩ Hồ Xuân Hương được coi là: "Một nhà thơ nữ rất độc đáo cuối thời Hậu Lê"[5].

Tiếng nói của người phụ nữ trên diễn đàn văn học đã góp phần làm phong phú cho nền văn học nước nhà, đồng thời họ còn là những tấm gương xây dựng nên đức tính cao đẹp của người con gái Việt Nam.

Hơn mười thế kỷ đô hộ Việt Nam, các triều đại phong kiến phương Bắc muốn vĩnh viễn biến Việt Nam thành quận, huyện của Trung Quốc và đồng hoá về mặt phong tục, tập quán nhưng chúng đã vấp phải sự kháng cự mạnh mẽ của nhân dân trên đất nước này. Suốt chiều dài

---

(1) Lê Quí Đôn - Đại việt thông sử. NXB KHXH Hà Nội, 1978, tr 18.

(2) Đại nam nhất thống chí. Sdd

(3) Trích theo lược truyền thần tổ ngành nghề. Sdd, tr 91.

(4, 5) Những gương mặt ... Sdd, tr 269

lịch sử dân tộc, phụ nữ Việt Nam đã giữ vai trò tích cực trong việc gìn giữ, phát huy và nâng cao thêm những giá trị văn hoá truyền thống của dân tộc - đó là lòng yêu nước, tinh thần lao động cần cù, nếp sống giản dị, thuỷ chung, lòng nhân ái, vị tha, biết ơn những người có công với nước với làng... Điều này đã góp phần to lớn làm thất bại âm mưu của kẻ thù.

Chúng ta đang đứng trước ngưỡng cửa của thế kỷ 21, đất nước Việt Nam đang chuyển biến từng ngày. Nhưng những giá trị văn hoá truyền thống của dân tộc vẫn không ngừng được bảo tồn và phát triển. Bởi vì nó có vai trò đặc biệt quan trọng đối với sự phát triển bền vững của đất nước ta trong giai đoạn mới. Đúng như NQ Hội nghị lần thứ 5 BCHTW Đảng khoá 8 về "Xây dựng và phát triển nền văn hoá Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc" đã khẳng định.

Tài liệu tham khảo

1. Ngô Sĩ Liên - Đại Việt sử ký toàn thư - NXB KHXH Hà Nội 1993, tập 1, 2, 3

2. Lê Quý Đôn - Đại Việt thông sử - NXB KHXH Hà Nội 1978.

3. Quốc sử quán triều Nguyễn - Đại nam nhất thống chí - NXB KHXH Hà Nội 1971 tập 1, 2, 3, 4, 5.

4. PTS Đỗ Thị Hảo chủ biên Những gương mặt phụ nữ Việt Nam (qua tư liệu Hán nôm) - NXB KHHX Hà Nội 1996.

5. Vũ Ngọc Khánh - Lược truyện thần tổ các ngành nghề. NXB KHHX 1991.

6. Văn kiện Hội nghị lần thứ 5 BCHTW khoá 8 - NXB Chính trị Quốc gia Hà Nội 1998.

7. Hồ Chí Minh toàn tập - tập 3 - NXB Chính trị Quốc gia Hà Nội 1995.

SUMMARY

Vietnamese women's role in creating, reinforcing, developing and conserving the features of the national culture as indicated in some ancient materials

Vietnam is a country which have an agelong history and culture. The Vietnamese from very early time built their particular cultural featurea, those have created for the nation a steady standing position and acted as the factor helped to generate power and motivation for the country's socio-economic development. As an important labour force, Vietnamese women have contributed significantly to the formation, development and maintaining the features of the national culture since long ago. Their contribution has been complimented by the whole nation and memorized in ancient history books. Within the scope of this report, in terms of culture aspect, we would like to reaffirm the Vietnamese women's great contribution through the proofs gathered from some ancient materials as follows:

1. Vietnamese women are keen patriots with the will of national self-reliance.

2. Vietnamese women have helped create the spirit ofhumanitarianism, tolerance and morality - one of the national culture features - for thousands years now.

3. Working hard and initiatively, thinking practically, Vietnamese women have given important contribution to the enrichment of traditional values of the Vietnamese culture.